

Bản án số:23/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08-4-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thiện

Bà Giáp Thị Hiền

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Trường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
Ông Hà Đăng Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2025/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị L, sinh năm 1989; nơi thường trú: thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang; nơi ở hiện nay: thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Giáp Văn Q, sinh năm 1980; nơi thường trú: thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 14/02/2025, Bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày:

Chị và anh Giáp Văn Q kết hôn tháng 5 năm 2007, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh Q. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong thời gian chị ở Đài Loan có gọi điện thoại về thì chồng thường xảy ra cãi nhau. Đến đầu năm 2025, chị về Việt Nam nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 2 năm 2025 chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Giáp Anh M, sinh ngày 03/3/2008 và Giáp Minh T, sinh ngày 07/02/2011, hiện con chung đang ở với anh Q. Vợ chồng ly hôn, chị đồng ý để anh Q tiếp tục nuôi 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh Q là 1.000.000 đồng/ tháng/ con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị L có mặt giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Q.

Về con chung: chị đồng ý để anh Q tiếp tục nuôi 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh Q là 1.000.000 đồng/ tháng/ con kể từ tháng 4 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai bị đơn là anh Giáp Văn Q trình bày:

Anh và chị L kết hôn với nhau tự nguyện vào tháng 5 năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T. Sau khi kết hôn, chị L về làm dâu nhà anh, vợ chồng ở chung cùng với bố mẹ anh. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2019, chị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Đến cuối năm 2024 chị L về Việt Nam, khi về Việt Nam chị L có liên lạc với người đàn ông quê ở Hải Dương trước đây làm ăn ở Đài Loan. Sau khi anh biết sự việc thì anh có khuyên bảo chị L nhưng chị L không nghe, chị L vẫn thường xuyên liên lạc với người đàn ông đó. Đầu năm 2025, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Cầu C sinh sống. Từ khi chị L về nhà bố mẹ đẻ ở, anh có cố điện và xuống nhà để bảo chị L về nuôi dạy con chung nhưng chị Luận cương Q1 không về. Đến nay chị L xin ly hôn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi các con. Trường hợp chị Luận cương Q1 xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: anh và chị L có con chung 02 con chung là Giáp Anh M, sinh ngày 03/3/2008 và Giáp Minh T, sinh ngày 07/02/2011, hiện con chung đang ở với anh.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh đồng ý để chị L cấp dưỡng nuôi con với mức là 1.000.000 đồng/ tháng/ con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh Giáp Văn Q vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Phan Thị L được ly hôn anh Giáp Văn Q.

Về con chung: giao cho anh Giáp Văn Q nuôi hai con chung là Giáp Anh M, sinh ngày 03/3/2008 và Giáp Minh T, sinh ngày 07/02/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q với mức 1.000.000 đồng/ tháng/ con kể từ tháng 4 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về án phí: chị Phan Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị của đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Phan Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với anh Giáp Văn Q có nơi thường trú tại thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, anh Q vắng mặt nhưng anh Q đã có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Q là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Q đăng ký kết hôn ngày 23/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, không bị ai ép buộc nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, chị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Đến đầu năm 2025, chị L về Việt Nam nhưng vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn cãi nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Q. Tại biên bản ghi lời khai của anh Q không đồng ý hôn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy: theo lời khai của anh Q, chị L, căn cứ vào biên bản xác minh với bà Giáp Thị N là mẹ của anh Q và chính quyền địa phương xác định vợ chồng anh Q, chị L có mâu thuẫn, từ tháng 1 năm 2025 anh Q và chị L sống ly thân. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa chị L và anh Q đã không thực hiện đầy đủ theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình là phải yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình và sống chung với nhau; quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần xử cho chị L được ly hôn anh Q là phù hợp.

[3] Về con chung: chị L và anh Q có 02 con chung là Giáp Anh M, sinh ngày 03/3/2008 và Giáp Minh T, sinh ngày 07/02/2011. Vợ chồng ly hôn, anh Q xin

được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy: chị L và anh Q có 02 con chung chưa thành niên, anh Q có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu M và cháu T. Chị L đồng ý để cho anh Q nuôi 02 con chung. Hiện nay anh Q làm ruộng có thu nhập nên đủ khả năng và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tại bản tự khai cháu M và cháu T có nguyện vọng được ở với anh Q. Để đảm bảo việc ổn định cuộc sống, chăm sóc cháu M và cháu T nên cần giao cho anh Q nuôi dưỡng cháu M và cháu T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và G.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q với mức 1.000.000 đồng/ tháng/ con kể từ tháng 4 năm 2025 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi, anh Q đồng ý nên cần chấp nhận về mức cấp dưỡng nuôi con nêu trên của các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung: chị L, anh Q không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị L được ly hôn anh Giáp Văn Q.
2. Về con chung: Giao cho anh Giáp Văn Q nuôi con chung là Giáp Anh M, sinh ngày 03/3/2008 và Giáp Minh T, sinh ngày 07/02/2011 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Phan Thị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Giáp Văn Q với mức 1.000.000 đồng/ tháng/ con kể từ tháng 4 năm 2025 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Q nếu chị L không thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Phan Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003612 ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Chị Phan Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- UBND xã Cao Xá;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Oanh